

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 175/2022/DS-ST
Ngày 23/9/2022
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Tùng Mận.
2. Bà Nguyễn Thị Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà H'Michan Niê - Kiểm sát viên

Ngày 23/9/2022, tại Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2021/TLST-DS ngày 07/4/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2021/QĐXXST-DS ngày 21/6/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Ông Đặng Văn T1.
2. Đặng Văn T2.
3. Đặng Thị Mai P.
4. Đặng Thị Ngọc Tr.

Địa chỉ: Thôn 9, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khắc D.

Địa chỉ: 35 P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

*** Bị đơn:**

1. Ông Trần Văn S (Vắng mặt).
2. Bà Võ Thị Hồng V (Vắng mặt).

Địa chỉ: 51 P, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Hồng Vân: Chị Lương Thị H. Địa chỉ: 111 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Chị Trần Thị Thu H. Địa chỉ: 51 P, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Khắc D trình bày:** Vào ngày 06/7/2018 âm lịch nhằm vào ngày 16/8/2018 dương lịch ông Trần Văn S và bà Võ Thị Hồng V có vay của bà Bùi Thị X với tổng số tiền là 150.000.000 đồng và ông S là người trực tiếp viết giấy vay tiền. Đến ngày hôm sau là ngày 07/7/2018 âm lịch nhằm vào ngày 17/8/2018 dương lịch bà V tiếp tục đến nhà bà Bùi Thị X vay thêm 30.000.000 đồng để lo công việc, do bà V vội bận đi công việc nên bà V nói bà X ghi vào giấy vay (*giấy biên nhận ngày 06/7/2018 do ông Trần Văn S ký xác nhận*) để trả một thể.

Khi vay tiền các bên không thỏa thuận thời gian trả nợ và lãi suất cho vay, mà các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng thời gian vay là 1 tuần, vì giữa bà X và bà V, ông S là bạn bè làm ăn với nhau nên số tiền 180.000.000 đồng cho vay là giúp ông S và bà V lo công việc nên không tính lãi suất cho vay.

Sau khi vay tiền của bà X hơn 1 tuần thì ông S và bà V không trả tiền cho bà X mặc dù bà X đã đến yêu cầu trả nợ nhiều lần. Nên đến vào ngày 07/5/2019 bà X đã đến nhà bà V, ông S để yêu cầu trả nợ, ông S, bà V đã nhờ con gái là chị Trần Thị Thu H đứng ra viết giấy hẹn trả nợ cho bà X và ông S và cam kết đến ngày 31/5/2019 sẽ trả toàn bộ số tiền nợ cho bà X, nhưng đến ngày bà V và ông S vẫn cố tình không trả.

Đối với giấy hẹn ngày 07/5/2019 có ghi xác nhận nội dung tên bà Võ Thị Hồng V và con là Trần Thị Thu H có ký vào giấy hẹn. Tôi xác nhận giấy này là giấy xác nhận nợ 180.000.000 đồng của bà V và ông S, do chị H là con ruột của ông S, bà V để ký xác nhận làm chứng khoản nợ của ông S, bà V, chị H không liên quan đến khoản nợ của bố mẹ là ông S và bà V với bà Bùi Thị X.

Nay tôi xác nhận ông Trần Văn S và bà Võ Thị Hồng V còn nợ bà Bùi Thị X với số tiền là 180.000.000 đồng. Do bà Bùi Thị X đã chết vào ngày 28/11/2020 theo giấy trích lục khai tử số 62/TLKT ngày 18/12/2020 nên ông Trần Văn S và bà Võ Thị Hồng V phải có nghĩa vụ trả nợ cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Bùi Thị X bao gồm: ông Đặng Văn T1, anh Đặng Văn T2, chị Đặng Thị Mai P, chị Đặng Thị Ngọc Tr với tổng số tiền nợ là 180.000.000 đồng cùng lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

*** Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Hồng V là chị Lương Thị H trình bày:** Giữa bà Võ Thị Hồng V, ông Trần Văn S với bà Bùi Thị X có mối quan hệ làm ăn lâu năm với nhau, trong thời gian làm ăn với nhau thì bà V có trực tiếp mượn của bà Bùi Thị X số tiền là 180.000.000 đồng, tuy nhiên đối với số tiền làm ăn nay bà V đã đứng ra trả nợ toàn bộ cho bà X và không còn

liên quan đến khoản nợ của bà Bùi Thị X.

Đối với giấy vay nợ ngày 06/7/2018 có chữ viết, chữ ký, ghi tên ông Trần Văn S và có ghi tên bà Nguyễn Thị Thanh V, ký tên bà Võ Thị Thanh V; giấy hẹn ngày 07/5/2019 do chị Trần Thị Thu H ghi, ký rõ họ tên, thì bà Võ Thị Hồng V đều không biết và liên quan đến khoản nợ hay giấy tờ này.

Nên việc chồng và con của bà Bùi Thị X bao gồm: ông Đặng Văn T1, anh Đặng Văn T2, chị Đặng Thị Mai P, chị Đặng Thị Ngọc Tr khởi kiện để yêu cầu bà V và với ông Trần Văn S phải liên đới cùng nhau trả nợ số tiền 180.000.000 đồng cùng lãi suất theo quy định của pháp luật thì tôi không đồng ý, đồng thời đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Bị đơn ông Trần Văn S, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.***

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn T1, Đặng Văn T2, Đặng Thị Mai P, Đặng Thị Ngọc Tr. Buộc ông Trần Văn S và bà Võ Thị Hồng V phải trả cho ông Đặng Văn T1, Đặng Văn T2, Đặng Thị Mai P, Đặng Thị Ngọc Tr (*là hàng thừa kế thứ nhất của bà Bùi Thị X*) tổng số tiền là 207.600.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng và tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án thì vào ngày 06/7/2018 âm lịch (16/8/2018 dương lịch) và ngày 07/7/2018 âm lịch (17/8/2018 dương lịch) giữa ông Trần Văn S và bà Võ Thị Hồng V (Võ Thị Thanh V) có viết giấy xác nhận nợ của bà Bùi Thị X với tổng số tiền là 180.000.000 đồng và đến ngày 07/5/2019 chị Trần Thị Thu H có xác nhận bà Võ Thị Hồng V có nợ bà X với số tiền là 180.000.000 đồng, theo giấy hẹn đến ngày 31/5/2019 thì sẽ trả đầy đủ số tiền trên cho bà Bùi Thị X. Tuy nhiên đến hạn trả tiền ông S và bà V không thực hiện theo đúng cam kết của mình, mặc dù bà X đã đến yêu cầu trả tiền nhiều lần đến ngày 18/12/2020 bà Bùi Thị X chết (theo trích lục khai tử số 62/TLKT ngày 18/12/2020) thì hàng thừa kế thứ nhất của bà Bùi Thị X gồm ông Đặng Văn T1, Đặng Văn T2, Đặng Thị Mai P, Đặng Thị Ngọc Tr đã yêu cầu ông S và bà V trả nợ nhiều lần, nhưng bà V và ông S vẫn cố tình trốn tránh không chịu trả nợ cho hàng thừa kế của bà X. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn – ông Trần Văn S và bà Võ Thị Hồng V có nơi cư trú tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy các đương sự đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên Tòa: Trước khi mở phiên tòa bị đơn ông Trần Văn S và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Nhưng, trước khi mở phiên tòa ông Trần Văn S và bà Trần Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn S và bà Trần Thị Thu H.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào lời khai nhận của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án xác định: Vào ngày 06/7/2018 âm lịch (16/8/2018 dương lịch) và ngày 07/7/2018 âm lịch (17/8/2018 dương lịch) giữa ông Trần Văn S và bà Võ Thị Thanh V có viết giấy xác nhận nợ của bà Bùi Thị X với tổng số tiền là 180.000.000 đồng và đến ngày 07/5/2019 chị Trần Thị Thu H có xác nhận bà Võ Thị Hồng V có nợ bà X với số tiền là 180.000.000 đồng, theo giấy hẹn đến ngày 31/5/2019 thì sẽ trả đầy đủ số tiền trên cho bà Bùi Thị X. Quá trình vay ông S và bà V không trả được cho bà X khoản nợ nào. Hiện nay bà Bùi Thị X đã mất nên hàng thừa kế của bà Bùi Thị X gồm Đặng Văn T1, Đặng Văn T2, Đặng Thị Mai P, Đặng Thị Ngọc Tr yêu cầu trả toàn bộ số tiền nợ 180.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn S đều vắng mặt nên không thể ghi lời khai. Đối với bà Võ Thị Hồng V quá trình khai tại Tòa án có xác nhận là nợ bà Bùi Thị X với số tiền là 180.000.000 đồng tuy nhiên đối với số tiền này bà V đã trả, do quen biết nhau và có mối quan hệ làm ăn nên khi trả tiền không làm giấy tờ gì để chứng minh. Đối với giấy vay nợ ngày 06/7/2018 (âm lịch) có ký và ghi tên ông Trần Văn S bà không biết và không xác nhận đối với giấy vay nợ này. Đối với giấy nợ ngày 06/7/2018 (âm lịch) quá trình làm việc bà V xác nhận là chữ ký và chữ viết của ông S, còn đối với tên Võ Thị Thanh V trong giấy biên nhận do không phải đúng tên nên bà V không nhận đối với giấy biên nhận này. Ngoài ra bà V cũng xác nhận bà V có mượn của bà Bùi Thị X 180.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành giám định chữ ký của ông Trần Văn S trong giấy biên nhận ngày 06/7/2018 âm lịch để xác nhận lại chữ ký của ông S và trong bản kết luận giám định số 855/KLGĐ- PC09 ngày 08/9/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: *“Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Văn S trong tài liệu cần giám định kí hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Văn S trên mẫu so sánh kí hiệu M do cùng một người ký và viết ra”*. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có giao dịch dân sự vay mượn tiền giữa ông Trần Văn S, bà Võ Thị Hồng V với bà Bùi Thị X xảy ra trên thực tế, do đó sau khi bà Bùi Thị X chết hàng thừa kế của bà X gồm Đặng Văn T1, Đặng Văn T2, Đặng Thị Mai P, Đặng Thị Ngọc Tr yêu cầu trả toàn bộ số tiền nợ 180.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn gồm: Đặng Văn T1, Đặng Văn T2, Đặng Thị Mai P, Đặng Thị Ngọc Tr để buộc ông Trần Văn S và bà Bùi Thị X phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng là có căn cứ.

Trong giấy nhận nợ ghi ngày 06/7/2018 âm lịch (16/8/2018 dương lịch) và ngày 07/7/2018 âm lịch (17/8/2018 dương lịch) các bên không có thỏa thuận thời gian trả nợ, mặc dù căn cứ vào giấy hẹn trả nợ vào ngày 07/5/2019 do chị Trần Thị Thu H ký xác nhận nợ thay bà Võ Thị Hồng V có xác nhận đến ngày 31/5/2019 trả nợ cho bà X tuy nhiên bà V không xác nhận đối với giấy này nên Hội đồng xét xử xác định sự việc vay mượn tiền giữa ông S, bà V với bà X là hợp đồng vay không kỳ hạn.

Đối với lãi suất chậm trả: Theo giấy nhận nợ các bên không thỏa thuận về phần lãi suất chậm trả tiền, tuy nhiên theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo quy định của pháp luật và các bên có tranh chấp đối với phần lãi suất chậm trả nên cần áp dụng khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm trả tiền. Do đây là hợp vay không kỳ hạn, nên thời gian chậm trả được tính từ ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 11/3/2021. Cụ thể: Từ ngày 11/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 23/9/2022 là: 180.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 06 tháng 12 ngày = 27.600.000 đồng.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn gồm: ông Đặng Văn T1, Đặng Văn T2, Đặng Thị Mai P, Đặng Thị Ngọc Tr (là hàng thừa kế thứ nhất

của bà Bùi Thị X) nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T1, Đặng Văn T2, Đặng Thị Mai P, Đặng Thị Ngọc Tr và buộc ông Trần Văn S và bà Võ Thị Hồng V phải trả cho ông Đặng Văn T1, Đặng Văn T2, Đặng Thị Mai P, Đặng Thị Ngọc Tr (*là hàng thừa kế thứ nhất của bà Bùi Thị X*) tổng số tiền là 207.600.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 27.600.000 đồng.

[5]. Về án phí:

Căn cứ vào nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn - ông Đặng Văn T1, Đặng Văn T2, Đặng Thị Mai P, Đặng Thị Ngọc Tr không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được nhận lại số tiền 8.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí do ông Đặng Văn T1 đã nộp thay theo biên lai số: AA/2019/0018804 ngày 31/32/2021 tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Bị đơn - ông Trần Văn S và bà Võ Thị Hồng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 207; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn T1, Đặng Văn T2, Đặng Thị Mai P, Đặng Thị Ngọc Tr.

Buộc ông Trần Văn S và bà Võ Thị Hồng V phải trả cho ông Đặng Văn T1, Đặng Văn T2, Đặng Thị Mai P, Đặng Thị Ngọc Tr (*là hàng thừa kế thứ nhất của bà Bùi Thị X*) tổng số tiền là 207.600.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 27.600.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Nguyên đơn - ông Đặng Văn T1, Đặng Văn T2, Đặng Thị Mai P, Đặng Thị Ngọc Tr không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được nhận lại số tiền 8.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí do ông Đặng Văn T2 đã nộp thay theo biên lai số: AA/2019/0018804 ngày 31/3/2021 tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Bị đơn - ông Trần Văn S và bà Võ Thị Hồng V phải chịu 10.380.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôl